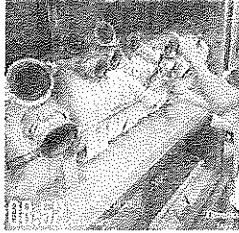
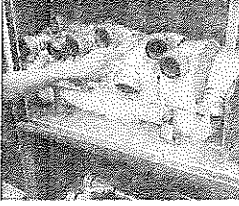
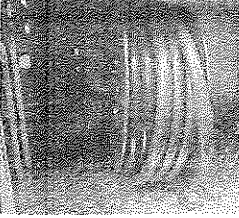
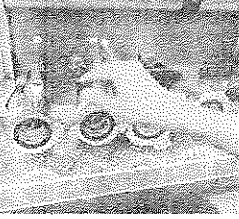
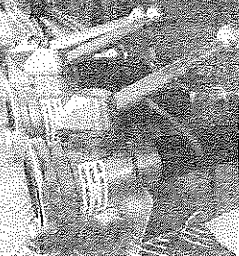

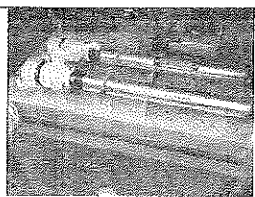
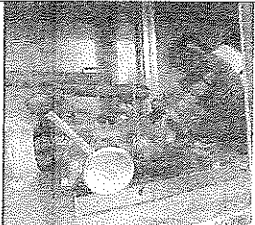
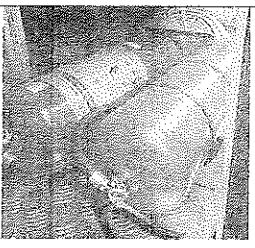
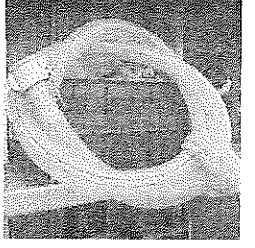
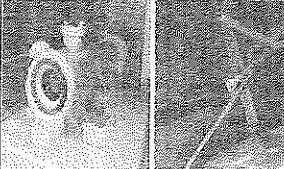
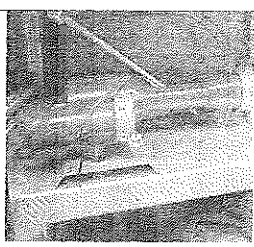
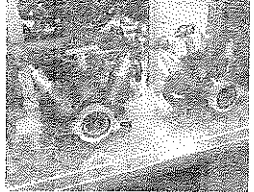



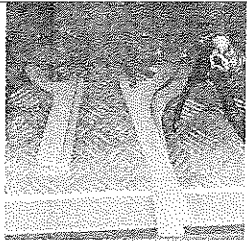
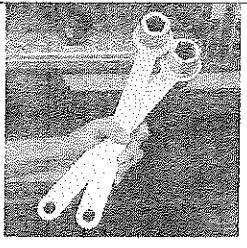
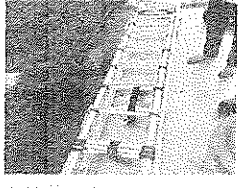
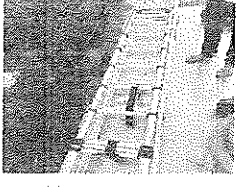
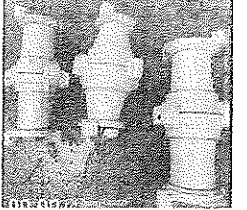
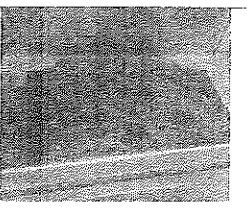
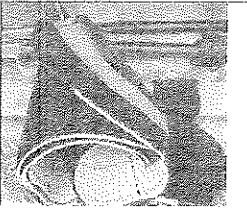
10.	Lăng phun bột chữa cháy	Cái	2	AWG – Đức	Mới 100%
11.	Bình bột chữa cháy ABC	Bình	2	Việt Nam	Mới 100%
12.	Ezecter hút bọt	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
13.	Ba chạc	Cái	2	AWG – Đức	Mới 100%
14.	Cờ lê ống hút nước	Cái	2	Hiệp Hòa	Mới 100%
15.	Cờ lê mở họng nước	Cái	4	Hiệp Hòa	Mới 100%
16.	Búa cao su	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
17.	Thang chữa cháy ~ 6m	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
18.	Đầu nối hỗn hợp (51/66; 66/77; 51/77)	Cái	3	Việt Nam	Mới 100%
19.	Cầu bảo vệ vòi chữa	Cái	2	Hiệp Hòa	Mới 100%
20.	Vá vòi chữa cháy	Cái	8	Hiệp Hòa	Mới 100%
21.	Kẹp vòi chữa cháy	Cái	1	Hiệp Hòa	Mới 100%
22.	Rìu chữa cháy	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
23.	Xẻng chữa cháy	Cái	2	Việt Nam	Mới 100%
24.	Búa sắt	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
25.	Kim cắt công lực	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
26.	Cuốc chim	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
27.	Đèn pin cầm tay, sạc pin	Cái	2	Việt Nam	Mới 100%
28.	Đèn tìm kiếm sau xe	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
29.	Chăn chữa cháy	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
30.	Ống hút nước chữa cháy	m	8	Hiệp Hòa	Mới 100%
31.	Giỏ lọc của ống hút nước	Cái	1	Hiệp Hòa	Mới 100%
32.	Chèn bánh xe	Cái	2	Hiệp Hòa	Mới 100%
33.	Bộ đồ nghề tiêu chuẩn	Bộ	1	Bosch – Đức	Mới 100%
34.	Cáng cứu thương	Cái	1	Việt Nam	Mới 100%
35.	Nón PCCC	Cái	10	Việt Nam	Mới 100%
36.	Quần áo PCCC	Bộ	10	Việt Nam	Mới 100%
37.	Bao tay PCCC	Bộ	10	Việt Nam	Mới 100%
38.	Ủng PCCC	Đôi	10	Việt Nam	Mới 100%
39.	Ống tiếp nước 10m	Cuộn	1	Hiệp Hòa	Mới 100%
40.	Câu Liêm	Cái	2	Hiệp Hòa	Mới 100%
41.	Bồ Cào	Cái	1	Hiệp Hòa	Mới 100%
42.	Bình khí Oxi đi kèm mặt nạ, Model RHZKF6L/30	Bộ	3	Trung Quốc	Mới 100%




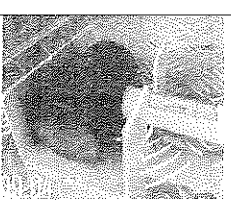
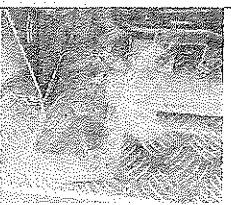
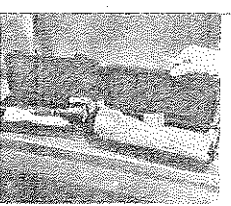
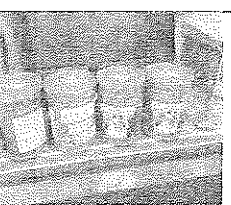
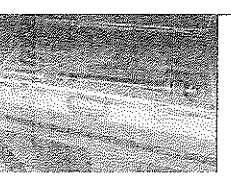
- Phụ tùng đồ nghề theo xe PCCC 2 (Biển kiểm soát: 70A-667.82; 2.300 lít nước, 300 lít bột) gồm:

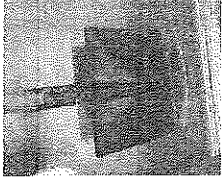


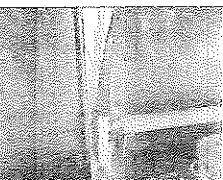


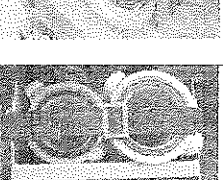
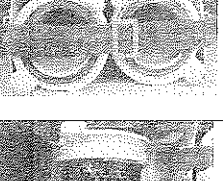
**Bảng 3.5: Phụ tùng đồ nghề theo xe PCCC 2**

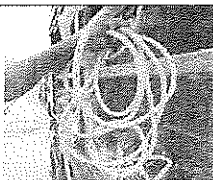
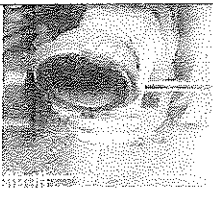

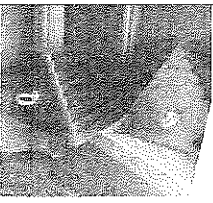
TT	Thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chữa cháy bàn giao cùng theo xe	Số lượng	Hình ảnh
1	Cuộn vòi chữa cháy Ø50x20 m	10 cuộn	
2	Cuộn vòi chữa cháy Ø65x20 m	06 cuộn	
3	Hệ thống phản ứng nhanh, Model: HH-RL30	01 Hệ	
4	Lăng chữa cháy (B) – D50	02 cái	
5	Lăng chữa cháy (A) – D65	02 cái	
6	Lăng đa năng	02 cái	

7	Lăng phun bột bội số nở thấp chữa cháy PQB8-65	02 cái	
8	Lăng giá chữa cháy di động PSY-30	01 cái	
9	Bình chữa cháy bột, ABC 8Kg	02 Bình	
10	Ống hút bột bên ngoài và khớp nối	01 bộ	
11	Ezector hút bột	01 cái	
12	Ezector hút nước	01 cái	
13	Ba chạc	02 cái	

14	Cờ lê ống hút nước	02 cái	
15	Cờ lê vòi phun nước	04 cái	
16	Cờ lê mở họng trụ nước chữa cháy	02 cái	
17	Thang móc chữa cháy NK-32	01 cái	
18	Thang chữa cháy 2 tầng Poongsan 3070-2	01 cái	
19	Đầu nối hỗn hợp 51/66, 66/77, 51/77 (02 cái /loại)	06 cái	
20	Cầu bảo vệ vòi chữa cháy	02 cái	
21	Vá vòi chữa cháy	04 cái	

22	Kẹp vòi chữa cháy	04 cái	
23	Câu liêm chữa cháy	02 chiếc	
24	Bồ cào chữa cháy	01 cái	
25	Búa cao su	01 cái	
26	Rìu chữa cháy	01 cái	
27	Đèn pin cầm tay, sạc pin	02 cái	
28	Mặt nạ phòng độc cách ly	04 bộ	
29	Bộ dụng cụ phá dỡ cầm tay	01 bộ	

30	Xèng chữa cháy	02 cái	
31	Búa tạ	01 cái	
32	Kìm cắt cộng lực	01 cái	
33	Cuốc chim	01 cái	
34	Chăn chiên chữa cháy (Khổ 2.0 x 2.0 Mét)	01 cái	
35	Thiết bị hút khói di động + ống gió	01 bộ	
36	Ống hút nước chữa cháy D125 kèm khớp nối nhanh, Toyo, dài 2 mét	04 đoạn	
37	Giò lọc của ống hút nước	01 cái	

38	Dây kéo ống hút, dài 10 mét	01 cuộn	
38	Vòi tiếp nước chữa cháy D80, dài 10 mét	01 cuộn	
39	Bơm chữa cháy khiêng tay (kèm 01 giỏ lọc, 01 ống hút bơm khiêng tay)	01 cái	
40	Chèn bánh xe	02 cái	

## 2.2. Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp.

Khi xảy ra sự cố thì nhân viên phát hiện sẽ ấn chuông báo động liên tục, sơ tán nhân sự, thông báo bằng điện thoại hoặc trực tiếp cho Giám Đốc Nhà máy và người chịu trách nhiệm biết tình hình.

Lực lượng xử lý sự cố là tất cả cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty đã được huấn luyện và nắm vững kỹ thuật xử lý sự cố tràn đổ, cháy nổ hóa chất sẽ được thông báo và tập trung tại hiện trường khu vực tràn đổ hóa chất để tiến hành xử lý.

Nếu sự cố không ảnh hưởng tới đường truyền mạng thì công ty sẽ sử dụng điện thoại cố định để thông báo nội bộ và bên ngoài. Nếu sự cố ảnh hưởng tới đường truyền thì công ty sẽ sử dụng mạng di động hoặc trực tiếp thông báo cho nội bộ và ra bên ngoài.

**Bảng 3.6: Đơn vị hỗ trợ ứng phó, xử lý và khắc phục sự cố hóa chất.**

TT	ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI
<i>Số điện thoại liên hệ khẩn cấp nội bộ</i>		
1	BQL KCN Phú An Thạnh	02723.655746
<i>Đơn vị hỗ trợ ứng phó, xử lý sự cố hóa chất</i>		
1	Phòng cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Bến Lức	114
2	UBND xã Bến Lức	0272. 3871 228

TT	ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI
<i>Đơn vị hỗ trợ khắc phục hậu quả sự cố hóa chất</i>		
11	Sở Công Thương Tỉnh Tây Ninh	(072) 3826 336
12	Sở Nông nghiệp Môi trường tỉnh Tây Ninh	(072) 3826 260

### 3. Kế hoạch phối hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó sự cố

#### ➤ Sự cố rò rỉ tràn đổ nhỏ, chưa nguy hại đến tính mạng con người và môi trường

Đối với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất nằm trong sự kiểm soát: đội ứng phó sự cố hóa chất có thể giải quyết thì chỉ thông báo nội bộ để triển khai công tác ứng phó và các cá nhân không có trách nhiệm sẽ thoát nạn theo hướng quy định. Đối với những tình huống sau:

- Rò rỉ hóa chất nhỏ từ các mối nối đường ống, bồn chứa với các thiết bị, các rò rỉ từ gioăng đệm trên các máy bơm
- Tuột ống mềm, ống mềm nạp hóa chất từ xe bồn cho bồn hóa chất nhưng không bắt lửa
- Cháy nhỏ, xa khu vực đường ống công nghệ, bồn chứa
- Cháy trong khu vực nhà văn phòng, nhà xe, trên bãi trống được phát hiện kịp thời để dàng khống chế được bằng dụng cụ chữa cháy cầm tay.
- Sét đánh gần khu vực kho không gây cháy.

#### ➤ Sự cố có người bị thương và có nguy hại đến môi trường và tài sản của Công ty.

Đối với sự cố hóa chất nằm ngoài sự kiểm soát cần có sự phối hợp, chỉ đạo ứng cứu của chính quyền địa phương, các đơn vị lực lượng, phương tiện sẵn có gần khu vực xảy ra sự cố như các tình huống sau:

- Rò rỉ lớn trên đường ống nhập hay trên bồn như: Xi bồn do van an toàn hỏng, gãy ống nhập,... và hậu quả lượng lớn đổ ra môi trường.
- Sét đánh thẳng lên khu vực kho
- Sự cố chập điện, phát sinh tia lửa ở gần khu vực chứa hóa chất
- Cháy gần bồn, đường ống công nghệ, trạm bơm có nguy cơ lan vào khu vực chứa hóa chất

Với sự cố hóa chất vượt quá sự kiểm soát của doanh nghiệp: Ngoài việc công ty triển khai các biện pháp ứng cứu tại chỗ đồng thời phải báo cáo với Công an PCCC, Bệnh viện nơi gần nhất, chính quyền địa phương (cấp xã, Ban quản lý các KCN,...), UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Nông Nghiệp và Môi trường để hỗ trợ trong công tác ứng phó sự cố.

### 4. Bảng hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất.

**Bảng 3.7: Hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất.**

Hóa chất	Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ	Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng
<b>Dạng lỏng</b>	Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng đất hoặc cát sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín.	Thông gió khu vực tràn đổ, rò rỉ, cách ly tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất, hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng đất hoặc cát, sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ, rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung, phun nước để giải tán hơi hóa chất, bảo vệ nhân viên trong khi xử lý rò rỉ, hạn chế tiếp xúc với hóa chất, sử dụng dụng cụ, thiết bị không phát ra tia lửa điện
<b>Dạng rắn</b>	Tìm chỗ rò rỉ bịt lại, dùng dụng cụ (xẻng, xô) thích hợp thu gom hóa chất cho vào thùng chứa chất thải.	Sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để thu gom và dọn sạch phần hóa chất rơi vãi vào thiết bị chứa thích hợp, tránh tạo bụi, tạo môi trường thoáng khí.

**5. Các biện pháp khác nhằm ứng phó sự cố hóa chất:**

**Bảng 3.8: Các biện pháp khác nhằm ứng phó sự cố hóa chất**

STT	Sự cố hóa chất	Biện pháp xử lý
1	<i>Tràn đổ hóa chất</i>	<p>Bước 1: Cảnh báo và sơ tán mọi người xung quanh nếu cần thiết.</p> <p>Bước 2: Xác định loại hóa chất bị đổ và tham khảo Bảng dữ liệu hóa chất (SDS) để biết thêm thông tin xử lý.</p> <p>Bước 3: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp như găng tay, kính bảo hộ, găng tay,...</p> <p>Bước 4: Ngăn chặn hóa chất lan rộng bằng cách sử dụng vật liệu thấm hút như cát, khăn lau chuyên dụng</p> <p>Bước 5: Thu gom chất thải vào thùng chứa chuyên dụng và dán nhãn rõ ràng.</p> <p>Lưu ý: Nếu hóa chất tràn có tính dễ cháy hoặc độc hại</p>

		cao, hãy liên hệ với đội ứng phó khẩn cấp hoặc cơ quan chức năng.
2	<i>Hít phải hơi hóa chất</i>	<p>Bước 1: Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực bị ô nhiễm đến nơi có không khí trong lành.</p> <p>Bước 2: Nếu nạn nhân không thở, tiến hành hô hấp nhân tạo và gọi cấp cứu ngay lập tức.</p> <p>Bước 3: Giữ nạn nhân ấm và nghỉ ngơi cho đến khi có sự trợ giúp y tế.</p> <p>Lưu ý: Không để nạn nhân tiếp xúc lại với khu vực bị ô nhiễm cho đến khi được xử lý an toàn</p>
3	<i>Hóa chất bắn vào mắt</i>	<p>Bước 1: Ngay lập tức rửa mắt bằng nước sạch hoặc dung dịch rửa mắt trong ít nhất 15 phút.</p> <p>Bước 2: Giữ mí mắt mở rộng và di chuyển mắt để đảm bảo rửa sạch toàn bộ bề mặt mắt</p> <p>Bước 3: Tháo kính áp tròng nếu có thể</p> <p>Bước 4: Tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức, mang theo thông tin về hóa chất liên quan.</p>
4	<i>Hóa chất tiếp xúc với da</i>	<p>Bước 1: Loại bỏ quần áo, giày dép hoặc trang sức bị nhiễm hóa chất.</p> <p>Bước 2: Rửa vùng da bị ảnh hưởng bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút</p> <p>Bước 3: Nếu có dấu hiệu kích ứng hoặc bỏng, tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.</p> <p>Lưu ý: Không sử dụng các loại kem hoặc thuốc mỡ trừ khi được chỉ định bởi chuyên gia y tế.</p>
5	<i>Nuốt phải hóa chất</i>	<p>Bước 1: Không cố gắng gây nôn trừ khi được hướng dẫn bởi chuyên gia y tế hoặc thông tin từ SDS</p> <p>Bước 2: Nếu nạn nhân tỉnh táo súc miệng bằng nước sạch</p> <p>Bước 3: Gọi cấp cứu hoặc liên hệ với trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức.</p> <p>Bước 4: Cung cấp thông tin về hóa chất hoặc bằng</p>

## 6. Các kịch bản diễn tập ứng phó sự cố hóa chất

### ➤ Kịch bản ứng phó sự cố hóa chất lưu giữ tại khu vực chứa hóa chất lỏng thành phẩm

#### *Nguyên nhân xảy ra sự cố*

Rò rỉ lớn trên đường ống hóa chất hay trên các bồn chứa

#### *Biện pháp phòng ngừa*

- Đường ống dẫn hoá chất phải được lắp đặt bởi chủng loại ống tốt, chống ăn mòn với các thương hiệu có uy tín, có độ bền theo thời gian cao như: ống nhựa Bình Minh, Đệ Nhất...
- Bồn bể chứa hoá chất phải được lắp đặt bởi vật liệu chống ăn mòn, độ dày lớn. Bồn chứa phải được lắp đặt chắc chắn, cố định, không nghiêng ngã.
- Xung quanh khu vực chứa hoá chất lỏng thành phẩm được bao bọc bởi tường thành bê tông chống thấm, phủ lớp chống ăn mòn FRP. Lắp đặt Hồ gom và bơm hoá chất để bơm thu hồi lượng hoá chất tràn đổ.

#### *Phương án ứng phó:*

- Khi phát hiện sự cố, người phát hiện ngay lập tức thông báo cho những người xung quanh biết, đồng thời thông báo cho đội trưởng của Công ty để xử lý sự cố.
- Tìm mọi cách ngăn chặn nguồn rò rỉ. Làm thông thoáng khu vực xảy ra sự cố
- Cách ly người và tài sản khỏi khu vực xảy ra sự cố.
- Phong tỏa khu vực xảy ra sự cố. Cử người trông coi và cảnh báo cho mọi người cùng biết.
- Thành viên đội ứng phó sự cố được trang bị thiết bị bảo hộ lao động. Thu gom chất lỏng có thể, sử dụng dụng cụ và thiết bị không gây tia lửa điện. Lượng hoá chất tràn đổ có thể được thu hồi gần như hoàn toàn triệt để bởi biện pháp dự phòng mà Nhà máy đã lắp đặt sẵn.

### ➤ Kịch bản ứng phó sự cố hoá chất tại kho chứa hoá chất rắn

#### *Nguyên nhân xảy ra sự cố*

Bao bì chứa hoá chất bị rò rỉ, rơi vỡ làm tràn đổ hoá chất rắn.

#### *Biện pháp phòng ngừa*

- Bao bì chứa đựng hoá chất là chủng loại tốt, chống được va đập mạnh, dai, bền trong môi trường ăn mòn.
- Xây dựng kho chứa hoá chất là nền bê tông chống thấm, tường gạch kiên cố bao quanh, cửa thông gió, thoát hiểm.
- Trang bị dụng cụ PCCC trong kho chứa.

#### *Phương án ứng phó khi bị cháy nổ:*

- Khi phát hiện xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện lập tức hô to để báo cho những người xung quanh biết, đồng thời báo cho phòng hành chính, bảo vệ. Nhân viên phòng hành chính sẽ thông báo qua loa cho toàn thể nhân viên và những người có mặt trong khu vực biết.

- Thông báo cho đội trưởng xử lý sự cố của Công ty. Dựa vào tình hình thực tế của đám cháy, đội trưởng xử lý sẽ báo cáo lên lãnh đạo Công ty và yêu cầu sự hỗ trợ của các lực lượng bên ngoài. Tìm mọi cách ngăn chặn rò rỉ. Làm thông thoáng khu vực xảy ra sự cố

- Cách ly tài sản và người đến khu vực an toàn, tổ chức cứu người bị nạn dời khỏi chỗ cháy nhanh chóng.

- Thành viên đội ứng phó sự cố trang bị thiết bị bảo hộ lao động, mặt nạ phòng độc, có bộ dưỡng khí cung cấp dưỡng khí để xử lý sự cố rò rỉ xảy ra. Đồng thời, tiến hành dập lửa ngay để hạn chế lửa có thể lan sang các bộ phận khác, ngăn ngừa khả năng gây nổ các bồn chứa hóa chất.

- Phối hợp với cơ quan chức năng bên ngoài:

+ Liên lạc và yêu cầu đơn vị PCCC, đội Y tế và các đơn vị bên ngoài để được hỗ trợ trong trường hợp đám cháy diễn ra nghiêm trọng, có nguy cơ lan rộng và vượt khỏi phạm vi ứng cứu của Công ty. Gọi điện thoại cho Phòng Cảnh sát PCCC theo số máy 114. Khi yêu cầu nói rõ họ tên, cháy ở đâu, chất cháy là gì, thời điểm cháy, diện tích đám cháy.

+ Cử người làm nhiệm vụ ra đón xe chữa cháy, hướng dẫn đến ứng cứu sự cố khẩn cấp của Công ty và được đưa đến vị trí xảy ra đám cháy, sự cố.

+ Chỉ huy của Công ty giao nhiệm vụ cho Chỉ huy chữa cháy, ứng cứu chuyên nghiệp khi họ đến, thông báo tình hình đám cháy và làm tham mưu cho đội PCCC chuyên nghiệp.

+ Sau khi đám cháy được dập tắt phải kiểm tra lại nếu không thấy dấu hiệu cháy lại mới thu dọn phương tiện.

#### ***Phương án ứng phó khi bị tràn đổ hoá chất:***

- Khi phát hiện sự cố, người phát hiện ngay lập tức thông báo cho những người xung quanh biết, đồng thời thông báo cho đội trưởng của Công ty để xử lý sự cố.

- Tìm mọi cách ngăn chặn nguồn rò rỉ. Làm thông thoáng khu vực xảy ra sự cố

- Cách ly người và tài sản khỏi khu vực xảy ra sự cố.

- Phong tỏa khu vực xảy ra sự cố. Cử người trông coi và cảnh báo cho mọi người cùng biết.

- Thành viên đội ứng phó sự cố được trang bị thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ, thu gom lượng hoá chất tràn đổ, rơi vãi vào bao bì lưu chứa. Lượng hoá chất tràn đổ nếu không bị lẫn lộn thì vẫn có thể tái sử dụng được bình thường. Nếu có từ hai loại trở lên tràn đổ cùng lúc thì dựa vào tính chất của từng loại để xác định xem có thể sử dụng lại được không. Nếu không sử dụng được sẽ đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

## KẾT LUẬN

### **1. Đánh giá của Công ty về Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất:**

- Nhận thức được các sự cố môi trường có thể xảy ra với các hạng mục công trình và lượng hóa chất lưu trữ, sử dụng trong quá trình sản xuất. Công ty luôn quan tâm đánh giá tới những rủi ro có thể xảy ra và từ đó đưa ra những biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất có thể.
- Hàng năm, công ty tổ chức cho công nhân viên tham gia các lớp tập huấn về an toàn hóa chất, PCCC.
- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất là cơ sở để công ty thực hiện, bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó sự cố hóa chất xảy ra trên thực tế.

### **2. Cam kết của Công ty**

- Trong quá trình xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm kiểm soát các nguồn phát sinh ra sự cố, nhanh chóng xử lý các tình huống xảy ra sự cố nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.
- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật hóa chất 2017 và Luật Bảo vệ môi trường 2020.

## **PHỤ LỤC**

1. Giấy chứng nhận đầu tư của dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ sở hóa chất.
2. Sơ đồ vị trí khu đất đặt dự án, cơ sở hóa chất (khổ giấy A3 trở lên).
3. Sơ đồ tổng mặt bằng của dự án, cơ sở hóa chất (khổ giấy A3 trở lên).
4. Sơ đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hóa chất dự kiến trong mặt bằng dự án, cơ sở và trạng thái bảo quản (ngầm, nửa ngầm, trên mặt đất) (khổ giấy A3 trở lên).
5. Sơ đồ thoát hiểm.
6. Các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến nội dung của kế hoạch: Hồ sơ môi trường, Hồ sơ PCCC....

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(nếu có)

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 1100860593**

*Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 10 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 09 tháng 08 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÚ AN THẠNH - LONG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUAN THANH - LONG AN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUAN THANH - LONG AN CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu công nghiệp Phú An Thạnh, Tỉnh lộ 830, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Điện thoại:

Số Fax:

Thư điện tử: *phuanthanh\_jsc@vnn.vn*

Website: *www.kcn-phuanthanh.com*

**3. Vốn điều lệ : 1.200.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ AN THẠNH

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0304769100

Ngày cấp: 06/12/2006 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: P.903, Tầng 9, Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN BÍCH NGA

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 19/11/1986

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079186004235

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 67 Đường Nội Khu Hưng Thái 1, Khu phố 40, Phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Việt Bình

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 204/2022/TB/PAT-LA ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Mở rộng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú An Thạnh giai đoạn 1 lên 352,5711 ha - giai đoạn 1 hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phần diện tích 272,5925 ha”;*

*Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An, địa chỉ Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh lộ 830, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Mở rộng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú An Thạnh giai đoạn 1 lên 352,5711 ha” có địa chỉ Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh lộ 830, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Mở rộng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú An Thạnh giai đoạn 1 lên 352,5711 ha.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tỉnh lộ 830, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp số 1100860593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 6 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 1100860593.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Sản xuất gạch, ngói, tấm lợp fibro xi măng; sản xuất gạch ốp lát các loại; sản xuất vật liệu, sản xuất Composit, vật liệu cách nhiệt, vật liệu cách âm, vật liệu chịu nhiệt, chất dẻo xây dựng, sợi thủy tinh; sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm; trang trí nội

thất, đồ thủ công mỹ nghệ; sản xuất cấu kiện lắp ghép, thép hình các loại; sản xuất nguyên vật liệu xây dựng khác (trừ dự án xây dựng cơ sở sản xuất xi măng, sản xuất Clinker, sản xuất vôi); sản xuất bê tông nhựa nóng, bê tông thương phẩm các loại); sản xuất gia công các thiết bị điện, điện tử và các linh kiện điện tử; sản xuất linh kiện, thiết bị điện gia dụng; cán, kéo kim loại; đóng mới, sửa chữa, lắp ráp đầu máy, toa xe; sản xuất sửa chữa, lắp ráp xe máy, ô tô; chế tạo máy móc, thiết bị công cụ; chế tạo, gia công cơ khí có xi mạ (xi mạ là một trong các công đoạn của quy trình sản xuất); sản xuất nhôm, thép định hình; sản xuất ván ép; sản xuất đồ gỗ; sản xuất thủy tinh, gốm sứ; chế biến gỗ, dăm gỗ từ gỗ tự nhiên; chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến thủy hải sản (trừ chế biến bột cá, phụ phẩm thủy sản từ thủy hải sản tươi); sản xuất đường, cồn, rượu, bia, nước giải khát; sản xuất bột ngọt; sản xuất chế biến sữa, dầu ăn, bánh kẹo; sản xuất nước lọc, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất thuốc lá điếu, cơ sở chế biến nguyên liệu thuốc lá; sản xuất chế biến nông sản (trừ chế biến tinh bột); chế biến chè, hạt điều, ca cao, cà phê, hạt tiêu; nhóm dự án chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi; dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân bón hóa học (trừ dự án có công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK theo phương pháp thủ công - chảo quay trộn thô); sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh; sản xuất dược phẩm, thuốc thú y; dự án sản xuất nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả nguyên liệu hóa dược và tá dược); sản xuất hóa chất, chất dẻo, các sản phẩm từ chất dẻo, các loại sơn; sản xuất các sản phẩm nhựa, hạt nhựa; sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia; sản xuất bao bì cát tông (từ nguyên liệu giấy thành phẩm); sản xuất văn phòng phẩm; dệt may; dệt nhuộm với các công nghệ tiên tiến (nhuộm, hồ, tẩy, in là một trong các công đoạn của quy trình sản xuất); sản xuất và gia công các sản phẩm dệt, may; sản xuất sợi tơ tằm, sợi bông, sợi nhân tạo; sản xuất giấy dếp; sản xuất mực in, vật liệu ngành in khác; dự án xây dựng cơ sở in trên các loại vật liệu; sản xuất các sản phẩm trang thiết bị y tế nhựa và cao su y tế; dự án xây dựng kho bãi, nhà xưởng cho thuê; pha chế và đóng gói dầu nhờn; sản xuất nhiên liệu sinh học từ nguồn gốc thực vật; chế tác nữ trang, đá quý; dự án bảo quản thực phẩm, nông phẩm sau khi thu hoạch.

#### 1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích: 352,5711 ha phân kỳ đầu tư chia thành 02 giai đoạn (giai đoạn 01 có diện tích 272,5925 ha; giai đoạn 01 mở rộng có diện tích 79,9786 ha).
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

#### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh – Long An:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

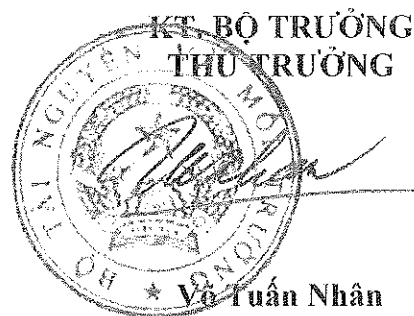
(từ ngày 27... tháng 10... năm 2022 đến ngày 26... tháng ..... năm 2029).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 183/GP-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *vt*

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Long An (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Long An;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An;
- Lưu: VT, TCMT, G12.



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng điều hành Khu công nghiệp Phú An Thạnh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực xử lý nước cấp.
- Nguồn số 03: Nước thải của các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Kênh Nước Mực, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An sau đó tự chảy vào Sông Vàm Cỏ.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1181133; Y = 577876 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: 105°45', múi chiếu 3°)
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).****2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải của Khu công nghiệp Phú An Thạnh sau khi xử lý chảy ra hồ kiểm chứng sau đó xả ra kênh Nước Mực thông qua cống có chiều dài khoảng 47 m.
- Hình thức xả: Xả mặt.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.**

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 đến 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	67,5		Đã lắp đặt
4	TSS	mg/l	45		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		Đã lắp đặt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục	
6	Độ màu	Pt/Co	50		-	
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27		-	
8	Asen	mg/l	0,045		-	
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045		-	
10	Chì	mg/l	0,09		-	
11	Cadimi	mg/l	0,045		-	
12	Crom (VI)	mg/l	0,045		-	
13	Crom (III)	mg/l	0,18		-	
14	Đồng	mg/l	1,8		-	
15	Kẽm	mg/l	2,7		-	
16	Niken	mg/l	0,18		-	
17	Mangan	mg/l	0,45		-	
18	Sắt	mg/l	0,9		-	
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		-	
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		-	
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		-	
22	Sunfua	mg/l	0,18		-	
23	Florua	mg/l	4,5		-	
24	Tổng nitơ	mg/l	18		-	
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		-	
26	Clorua	mg/l	450		-	
27	Clo dư	mg/l	0,9		-	
28	Coliform	MPN/100ml	3.000		-	
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1		-	
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0		-	
31	Tổng PCB	mg/l	0,0027		01 năm/lần	-
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045			-
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27			-

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải (từ các nguồn số 01, 02 và số 03) được thu gom vào hệ thống cống thu gom bằng bê tông cốt thép thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 5.000 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu → Máy lược rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý I → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sinh học → Bể

phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ kiểm chứng → Nguồn tiếp nhận kênh Nước Mực.

- Công suất thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, nguyên vật liệu sử dụng: PAC dạng lỏng, NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Polymer, Nutrient (Methanol), Ca(OCl)<sub>2</sub>, chất khử màu (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Hồ kiểm chứng.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An để theo dõi, giám sát (Công văn số 3485/STNMT-QLMT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An về xác nhận kết nối dữ liệu trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích khoảng 15.000 m<sup>3</sup>.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	Màu	Pt/Co	150
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
12	Crom (III)	mg/l	1,0
13	Đồng	mg/l	2,0
14	Kẽm	mg/l	3,0
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1,0
17	Sắt	mg/l	5,0
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
20	Clo dư	mg/l	2,0
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,0
25	Tổng nitơ	mg/l	40
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Tổng PCB	mg/l	0,01
28	Tổng phenol	mg/l	0,5
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,0
31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0
33	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường (đã thực hiện vận hành thử nghiệm theo Công văn số 7689/STNMT-QLMT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An về kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An xác nhận hoàn thành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải tại Công văn số 2880/STNMT-QLMT ngày 19 tháng 5 năm 2022).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Phú An Thạnh, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu

về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Phú An Thạnh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./

lt

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT - BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (theo đề nghị của Công ty).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng khu vực Nhà máy xử lý nước cấp của Khu công nghiệp (theo đề nghị của Công ty).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng thải số 01: Tương ứng ống khói của máy phát điện dự phòng khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp với tọa độ xả khí thải X = 1181232; Y = 577861 (theo đề nghị của Công ty).

- Dòng thải số 02: Tương ứng ống khói của máy phát điện dự phòng khu vực Nhà máy xử lý nước cấp của Khu công nghiệp với tọa độ xả khí thải X = 1182050; Y = 577744 (theo đề nghị của Công ty).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực: 105°45', múi chiều 3°)

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng thải số 01 lưu lượng thải lớn nhất khoảng 500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng thải số 02 lưu lượng thải lớn nhất khoảng 1.500 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (chỉ xả thải khi hoạt động).**

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh được thải ra môi trường qua ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Máy phát điện sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO là nhiên liệu sạch nên không có hệ thống xử lý khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Không.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Khí thải thải ra ngoài môi trường đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

*lt*

## Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực phát điện dự phòng khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí Nhà máy xử lý nước cấp của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 04: Khu vực phát điện dự phòng khu vực Nhà máy xử lý nước cấp của Khu công nghiệp.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1181140; Y = 577795.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1181232; Y = 577861.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1182045; Y = 577582.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1182050; Y = 577744.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức giá tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

vt

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	60.000
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	05
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	100
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	50
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
<b>Tổng cộng</b>				<b>60.225</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bao bì carton, nhãn mác, thùng nhựa,...	30
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước cấp	1.100
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.130</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Tổng khối lượng (tấn/ngày)
1	Thức ăn thừa, rau củ quả, vỏ trái cây	0,02
2	Bao bì nhựa, thủy tinh, PVC,...	
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,02</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bao bì, thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa bùn khoảng: 58 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa bùn có mái tôn, tường tôn, nền bê tông, có dán bản cảnh báo, có rãnh thu nước rì.
- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại khoảng: 8,12 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền lót gạch chống thấm, tường gạch, có mái tôn, tại cửa ra vào kho có dán bản cảnh báo chất thải nguy hại và có gờ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho chứa:

- Diện tích kho chứa bùn khoảng: 16 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa bùn có mái tôn, tường tôn, nền bê tông, có dán bản cảnh báo, xung quanh nền có bố trí rãnh thu nước.
- Diện tích kho chứa chất thải công nghiệp thông thường khoảng: 12 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được xây tường gạch, mái tôn bao kín, nền bê tông, chống thấm, có gắn dấu hiệu cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Uz

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN/CO SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Theo Quyết định số 1495/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú An Thạnh giai đoạn 1 lên 352,5711 ha”, các hạng mục, công trình của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm:

- Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh, hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải trên phạm vi diện tích đất mở rộng 79,9786 ha.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung số 02 công suất xử lý 8.212 m<sup>3</sup>/ngày mô đun 01 công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày và mô đun 02 công suất 4.212 m<sup>3</sup>/ngày; xây dựng 02 bể ứng phó sự cố dung tích 12.000 m<sup>3</sup> và 12.636 m<sup>3</sup> của hệ thống xử lý nước thải số 02.

- Quy trình công nghệ xử lý cho từng mô đun của trạm XLNT số 2 tương tự nhau, như sau: Nước thải đầu vào → Hồ thu → Máy lược rác → Bể tách dầu → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 1 → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ kiểm chứng → Nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9).

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. / *lt*

CÔNG AN TỈNH LONG AN  
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 363 /NT-CAT-PC07

Long An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 189/TD-PCCC(PC66) ngày 20/9/2010 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Long An;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 20/12/2021 của: Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Lê Thị Yến. Chức vụ: Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 30/12/2021 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Long An;

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Long An chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Dự án khu công nghiệp Phú An Thạnh - Giai đoạn 1 (272,5925ha) - Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà áp lực thấp với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV Phú An Thạnh - Long An.

Đơn vị tư vấn giám sát: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giám sát.

Đơn vị thi công: Công ty cổ phần xây lắp Lạc Hồng (đơn vị thi công hạ tầng) Công ty TNHH KT PCCC Phú Bình (đơn vị thi công PCCC).

Quy mô công trình/phương tiện: Công trình được xây dựng trên tổng diện tích lô đất 272,5925ha; gồm các hạng mục chính: hạ tầng giao thông, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà áp lực thấp của khu công nghiệp.

**Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:**

- Hệ thống chữa cháy bằng nước (66 trụ ngoài nhà).

**Các yêu cầu kèm theo:**


- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- C07 - BCA (b/c);
- Lưu.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Thượng tá Trương Văn Vũ**

BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TỈNH LONG AN  
Số: 189/TĐ-PCCC (2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1  
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA  
Ngày 31-3-2004 - In 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày 13/09/2010

của: ..... Cty TNHH Môi Trường Phú An Thanh-Long An.....

Người đại diện là ông/ bà: ..... Lâm Trúc Nhỏ..... Chức danh ..... Giám đốc.....

(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

**CHỨNG NHẬN:**

(2) ..... HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY (trụ cấp nước).....

Địa điểm: ..... KCN Phú An Thanh - xã An Thạnh - huyện Bến Lức - tỉnh Long An.....

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: ..... Cty TNHH Môi Trường Phú An Thanh-Long An.....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: ..... Công ty CP TV Cấp Thoát Nước và Môi Trường.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: .....

..... Hệ thống cấp nước chữa cháy (Trụ cấp nước chữa cháy).....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) ..... Trụ nước chữa cháy phải có thông số và kích thước cơ bản quy định trong bảng 1 điều 4.1 tiêu chuẩn TCVN 6379-1998; Lắp đặt trụ nước chữa cháy phải theo đúng phụ lục A của tiêu chuẩn TCVN 6379-1998; Khoảng cách giữa các trụ không lớn hơn 150m theo điều 10.9 tiêu chuẩn TCVN 2622-1995.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tân An, ngày 20 tháng 09 năm 2010.

(4) ..... PHÒNG PHÒNG.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Thượng tá: Trần Văn Tiền

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).





# VỊ TRÍ KHO CHỨA HOÁ CHẤT NMCN KCN PHÚ AN THẠNH

